

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2020
thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Quốc về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện;
Xét Tờ trình số 311/TTr-TCKH ngày 28/7/2020 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phú Quốc về việc công bố, công khai số liệu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện. (Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP. Huyện ủy;
- VP. HĐND-UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Ủ. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Quang Hưng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số **488/QĐ-UBND** ngày **28** tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch	
									Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tăng					Giảm	
										Tổng số	Trong đó:							
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ A + B + C									7.695.641	6.698.251	4.763.969	3.266.609	640.915	611.145	1.489.609	878.464	0
A	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT 60% TÍNH GIAO									5.548.935	4.551.545	1.488.935	1.398.490	300.000	300.000	300.000	0	0
I	DỰ ÁN TRẢ NỢ									359.648	359.648	160.701	212.996	1.500	1.498	1.498	0	0
	Ngành giao thông + ngành khác									359.648	359.648	160.701	212.996	1.500	1.498	1.498	0	0
I	ĐT XD cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Gành Dầu	PQ	KBNN Phủ Quốc	UBND huyện	7246561	799; 285	10.26ha	2014-2017	02; 22/10/2015	74.199	74.199	1.560	59.179	530	530	530	0	0
2	Đường trung tâm đoạn 2 - Khu bãi trường	PQ	KBNN Phủ Quốc	UBND huyện	7286509	799; 292	1.000m	2014-2020	100; 23/12/2010	183.467	183.467	74.829	74.537	470	292	292	0	0
3	Đường bãi đất đỏ Khu phố 6 thị trấn An Thới	PQ	KBNN Phủ Quốc	UBND huyện	7582896	799; 292	1.600m	2017-2020	Số: 5870; 28/10/2016	38.981	38.981	27.761	26.573	500	166	166	0	0
4	Trồng mới cây xanh từ ngã 3 Sân Bay đến ngã 3 Công Bình trên tuyến An Thới - Dương	PQ	KBNN Phủ Quốc	BQL dự án	7563444	799; 312	18.568m2	2016-2017	3009; 10/04/2017	13.568	13.568	12.450	11.670	0	150	150	0	0
5	Dự án trồng cây xanh tuyến An Thới -Dương Đông năm 2017	PQ	KBNN Phủ Quốc	BQL dự án	7604872	799; 312	7.600m	2017-2019	5740; 25/10/2016	14.751	14.751	15.000	12.672	0	100	100	0	0
6	Trồng mới cây xanh tuyến Dương Đông - Bãi Thơm năm 2017	PQ	KBNN Phủ Quốc	BQL dự án	7604870	799; 312	17.600m	2017-2019	5750; 26/10/2016	34.682	34.682	29.101	28.365	0	260	260	0	0
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP									3.418.853	2.421.463	1.216.826	1.182.781	191.888	191.453	191.453	0	0
	Ngành giao thông + khác									3.406.053	2.408.663	1.207.340	1.173.717	191.888	191.125	191.125	0	0
I	ĐT XD công trình Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc (tên cũ: Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc)	PQ	KBNN Phủ Quốc	UBND huyện	7518929	605; 295	180 ha	2016-2020	794 31/03/2017	1.644.728	647.338	590.338	580.338	40.000	10.000	10.000	0	0
2	Nâng cấp Hồ chứa nước Dương Đông (Giai đoạn 2)	PQ	KBNN Phủ Quốc	UBND huyện	7717506	605; 311	4.497 ha	2019-2021	86 16/01/2019	224.768	224.768	87.000	0	57.000	87.000	87.000	0	0
3	Đường nhánh số 4 - Khu bãi trường	PQ	KBNN Phủ Quốc	UBND huyện	7286511	799; 292	1.358m	2014-2020	102; 23/12/2010	216.538	216.538	127.402	121.697	20.405	17.500	17.500	0	0
4	Đường từ bãi rác đến ngã tư Hàm Ninh	PQ	KBNN Phủ Quốc	BQL dự án	7613871	799; 292	17.27 km	2016-2020	3756; 29/07/2019	169.955	169.955	155.050	151.963	3.000	3.000	3.000	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giải ngân 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch	
									Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư								
										Tổng số	Trong đó: phần vốn						Tăng	Giảm
5	Lái gạch vữa hệ chỉnh trang đô thị	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7585179	799; 312	20.000m ²	2016-2020	2829; 05/06/2019	58.927	58.927	42.551	40.427	7.573	2.173	2.173	0	0
6	Đầu tư XD CSHT Khu TĐC Suối Lom	PQ	KBNB Phú Quốc	UBND huyện	7060665	799; 285	73,66ha	2007-2022	97; 22/01/2007	269.469	269.469	35.553	190.529	30.000	8.000	8.000	0	0
7	Kho quân khí thuộc bộ tư lệnh vùng 5 hải quân	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7682125	799; 011	115,96 m ²	2019-2020	4664; 30/10/2018	43.000	43.000	30.033	2.490	27.510	27.510	27.510	0	0
8	Trồng mới cây xanh năm 2019 (TĐC 10,2ha; TĐC khu phố 5; TĐC Gành Dầu)	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7721325	799; 312	18,037 m ²	2019-2020	4374; 29/10/2018	18.546	18.546	16.100	4.100	2.000	12.000	12.000	0	0
9	Tường chắn dưới chân Taluy khu tái định cư 10,2ha Bắc sản bay	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7401209	799; 164	675m	2016-2020	4947; 23/10/2015	10.000	10.000	4.997	3.210	2.300	1.782	1.782	0	0
10	Mở rộng diện tích nghĩa trang nhân dân huyện Phú Quốc	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7641147	799; 338	2 ha	2018-2020	9878; 28/10/2017	3.173	3.173	2.641	941	1.500	1.500	1.500	0	0
11	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện Phú Quốc	PQ	KBNB Phú Quốc	Phòng QLĐT	7725423	619;312	4 điểm	2018-2020	4371; 29/10/2018	3.600	3.600	3.600	3.000	600	600	600	0	0
12	Nâng cấp bờ kè công viên Bạch Đằng	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7753470	799;312	331,29 m	2019-2020	4506; 15/10/2019	34.649	34.649	33.849	7.000	0	12.000	12.000	0	0
13	Đường tam vào Khu tái định cư 67,5 ha	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7510842	799; 309	400 m	2017-2020	5873; 28/10/2016	13.000	13.000	5.605	4.107	0	300	300	0	0
14	Đường từ thị trấn Dương Đông - khu du lịch dã ban	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7566112	799; 309	5,412 km	2017-2020	2793; 29/03/2017	150.000	150.000	61.174	59.474	0	1.700	1.700	0	0
15	Đường số 12 (Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7128034	799; 309	172,8 m	2017-2020	5871; 28/10/2016	14.700	14.700	3.047	2.641	0	60	60	0	0
16	Khu tái định cư xã Hàm Ninh (13,1ha)	PQ	KBNB Phú Quốc	UBND huyện	7246562	799;309	13,1 ha	2018-2022	9850; 26/10/2017	288.000	288.000	4.000	700	0	3.000	3.000	0	0
17	Khu tái định cư xã Bãi Thơm (19,9ha)	PQ	KBNB Phú Quốc	UBND huyện	7417465	799;309	19,9 ha	2017-2021	9866; 27/10/2017	243.000	243.000	4.400	1.100	0	3.000	3.000	0	0
	Ngành giáo dục									12.800	12.800	9.486	9.064	0	328	328	0	0
1	XDM nhà hiệu bộ Trường TH An Thới 2 - Điểm chính (4P)	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7694281	799; 072	4p	2019-2020	4359; 26/10/2018	3.200	3.200	2.470	2.370	0	29	29	0	0
2	XDM nhà hiệu bộ Trường TH Dương Tơ 1 - Điểm chính (2P)	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7694283	799; 072	2p	2019-2020	4304; 22/10/2018	1.600	1.600	1.166	1.101	0	65	65	0	0
3	XDM phòng học Trường TH - THCS Thới Châu - Điểm chính (4P)	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7694282	799; 073	4p	2019-2020	4305; 22/10/2018	3.200	3.200	2.900	2.843	0	57	57	0	0
4	XDM nhà hiệu bộ Trường TH Dương Tơ 2 - 73ha (6P)	PQ	KBNB Phú Quốc	BQL dự án	7692140	799; 072	6p	2019-2020	4332; 23/10/2018	4.800	4.800	2.950	2.750	0	177	177	0	0
III	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI									378.510	378.510	101.949	2.460	106.612	99.240	99.240	0	0
	Ngành giao thông									304.000	304.000	47.984	1.510	39.562	46.274	46.274	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chiến lược	
									Số ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó: phần vốn						Tăng	Giảm
1	Lát gạch vỉa hè đường Trần Hưng Đạo	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7579314	799; 312	1,55 km	2019-2021	4602 24/10/2019	78.000	78.000	21.884	410	29.562	21.274	21.274	0	0
2	Đường nhánh số 3 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7230737	799; 312	1,298 km	2019-2023	08 21/01/2011	176.000	176.000	10.500	500	10.000	10.000	10.000	0	0
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Bãi Vòng (Tên cũ: Cải tạo nâng cấp đường xuống cảng Bãi Vòng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7758698	799; 312	2,805 km	2019-2021	5095 30/10/2019	50.000	50.000	15.600	600	0	15.000	15.000	0	0
	Xã, thị trấn									13.000	13.000	7.600	200	0	7.400	7.400	0	0
1	Trung tâm hành chính xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7752521	799; 341	966 m2	2020-2021	5055 29/10/2019	8.000	8.000	5.100	100	0	5.000	5.000	0	0
2	BCH quân sự thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7788357	799; 341	168 m2	2020-2021	5096 30/10/2019	5.000	5.000	2.500	100	0	2.400	2.400	0	0
	Ngành giáo dục									61.510	61.510	46.365	750	8.600	45.566	45.566	0	0
1	Trường mầm non Dương Đông - Điểm chính (4P hiệu bộ)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7746834	799; 071	4p	2020-2021	5092 30/10/2019	4.000	4.000	2.513	50	3.450	2.463	2.463	0	0
2	Trường mầm non Hồ Thị Nghiêm - Điểm chính (4P hiệu bộ)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7744895	799; 071	4p	2020-2021	4605 25/10/2019	4.000	4.000	3.500	50	3.450	3.450	3.450	0	0
3	Trường TH Dương Đông 4 - Điểm chính (6P hiệu bộ + 1 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7758695	799; 072	6p	2020-2021	4606 25/10/2019	7.500	7.500	6.500	100	0	6.400	6.400	0	0
4	Trường TH & THCS An Thới 2 - Điểm chính (6P hiệu bộ và 2P bộ môn)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7744893	799; 073	6p	2019-2021	5057 29/10/2019	9.000	9.000	7.600	100	0	7.500	7.500	0	0
5	Trường mầm non Gành Dầu - Điểm chính (2P hiệu bộ)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7746829	799; 071	2p	2018-2020	4603 24/10/2019	2.000	2.000	1.450	36	0	1.400	1.400	0	0
6	Trường mầm non Bãi Thơm - Điểm chính (Cổng, hàng rào, sân nền)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7753468	799; 071		2020-2021	5094 30/10/2019	1.500	1.500	1.000	20	0	980	980	0	0
7	Trường Mầm non Cửa Dương (Điểm Cây Thông Ngoài - 2p)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7746830	799; 071	2p	2018-2020	4601 24/10/2019	2.000	2.000	1.600	41	1.700	1.550	1.550	0	0
8	Trường THCS Dương Tơ - Điểm chính (4P hiệu bộ, 2P bộ môn, hàng rào)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7744898	799; 073	6p	2019-2021	5093 30/10/2019	7.000	7.000	4.600	50	0	4.550	4.550	0	0
9	Trường TH & THCS Bãi Thơm - Điểm chính (2P bộ môn)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7753469	799; 073	2p	2020-2021	4604 25/10/2019	3.000	3.000	2.550	50	0	2.500	2.500	0	0
10	Trường TH & THCS Hàm Ninh - Mẫu giáo cũ (4P học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7746833	799; 073	4p	2020-2021	5058 29/10/2019	4.000	4.000	3.500	50	0	3.450	3.450	0	0
11	Trường TH & THCS Bãi Bón - Điểm chính (4P hiệu bộ)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7744899	799; 073	4p	2019-2021	5059 29/10/2019	4.000	4.000	3.050	50	0	3.000	3.000	0	0
12	Trường THCS Dương Đông 1 - Điểm chính (1 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7746832	799; 073	1p	2019-2021	5097 30/10/2019	4.424	4.424	2.032	32	0	2.000	2.000	0	0
13	XDM nhà hiệu bộ Trường TH-THCS Bãi Thơm (điểm chính)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7744894	799; 073	6p	2020-2021	5054 29/10/2019	4.800	4.800	4.120	50	0	4.070	4.070	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (Chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năm lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giải ngân 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch		
									Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư								
										Tổng số	Trong đó: phần vốn							
14	Sửa chữa các điểm trường năm 2020 (vốn huyện)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7746831	799; 073	6 Điểm	2019- 2021 29/10/2019	5056 5755 26/10/2016	1.100	1.100	950	24	0	900	900	0	0
15	XDM nhà mẫu bộ Trường THCS Dương Đông I (4P)					799; 073	4p	2020-2022		3.186	3.186	1.400	47	0	1.353	1.353	0	0
	Dự kiến vốn cho các danh mục khởi công mới													58.450	0		0	0
IV	CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ DÀI TƯ									1.391.924	1.391.924	9.459	253	0	7.809	7.809	0	0
	Ngành khác									849.300	849.300	2.600	0	0	2.600	2.600	0	0
1	Trồng mới cây xanh năm 2020	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						75.000	75.000	300		0	300	300	0	0
2	XDM Trụ sở Đoàn quân lý đường bộ	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						3.200	3.200	100		0	100	100	0	0
3	Khu trung tâm hành chính Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	UBND huyện						765.000	765.000	2.000	0	0	2.000	2.000	0	0
4	XDM Dàn biên phòng	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						3.000	3.000	100	0	0	100	100	0	0
5	Sửa chữa nhà làm việc huyện ủy Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						3.100	3.100	100	0	0	100	100	0	0
	Ngành giao thông									465.323	465.323	3.875	0	0	3.875	3.875	0	0
1	Nâng cấp hệ thống thoát nước thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						59.000	59.000	497		0	497	497	0	0
2	Đường xuống biển số 12 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						27.000	27.000	77		0	77	77	0	0
3	Đường xuống biển số 13 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						4.500	4.500	139		0	139	139	0	0
4	Đường xuống biển số 11 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						4.300	4.300	60		0	60	60	0	0
5	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						57.000	57.000	646		0	646	646	0	0
6	Bờ Kê Rạch Ông Trì	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						75.000	75.000	656		0	656	656	0	0
7	Đường xuống biển số 2 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						25.600	25.600	86		0	86	86	0	0
8	Nâng cấp hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng tuyến tránh (đoạn từ ngã ba suối Đá đến cầu Suối Cao) Tuyến cũ: Hệ thống chiếu sáng tuyến tránh (đoạn từ ngã 3 Suối Đá đến cầu Suối Cao)	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án						47.000	47.000	397		0	397	397	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tại khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch	
									Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó: phần vốn					Tăng	Giảm
9	Chính trang đô thị 2018 - 2020 (HM: Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn An Thới)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						11.000	11.000	100		0	100	0	0
10	Đường ven biển Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						154.923	154.923	1.217		0	1.217	0	0
	Ngành giáo dục									23.400	23.400	200	0	0	200	0	0
1	Trường TH-THCS Gành Dầu - điểm Chuông Vịch	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						8.500	8.500	100		0	100	0	0
2	Trường TH-THCS Gành Dầu - điểm Rạch Vem	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						14.900	14.900	100		0	100	0	0
	Xã, thị trấn									3.030	3.030	132	0	0	132	0	0
1	XDM Trụ sở Khu phố 11 - thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						1.200	1.200	50		0	50	0	0
2	XDM Trụ sở Khu phố 5 - thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						915	915	41		0	41	0	0
3	XDM Trụ sở Khu phố 12 - thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						915	915	41		0	41	0	0
	Các công trình xử lý đờ dang									50.871	50.871	2.652	253	0	1.002	0	0
1	XDM nhà hiệu bộ trường THCS Dương Tơ	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5752; 26/10/2016	3.538	3.538	100	47	0	50	0	0
2	XDM hội trường UBND xã Cửa Cạn	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5737; 25/10/2016	3.456	3.456	71	50	0	21	0	0
3	XDM nhà ăn, phòng hiệu bộ trường TH - THCS Gành Dầu (Điểm mầm non)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5774; 27/10/2016	3.200	3.200	87	35	0	37	0	0
4	Trụ sở ấp Ông Lang - Xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5748; 26/10/2016	1.600	1.600	57	24	0	7	0	0
5	XDM phòng học trường TH - THCS Bãi Thơm - Điểm Đa Chông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					3789; 11/10/2018	3.200	3.200	147	81	0	12	0	0
6	Trại thực nghiệm Trung tâm dịch vụ và chuyển giao	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						355	355	630		0	275	0	0
7	Trồng mới cây xanh đường Trung tâm đoạn 1 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					4714; 01/11/2018	14.670	14.670	607		0	217	0	0
8	Trồng mới cây xanh đường Trung tâm đoạn 2 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					4715; 01/11/2018	9.301	9.301	300		0	150	0	0
9	Trồng mới cây xanh đường Nhánh số 4 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					9899; 31/10/2017	9.551	9.551	503		0	183	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm điểm xây dựng	Địa điểm mới tái khoan của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giải ngân 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch					
									Số ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2020						Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Tăng	Giảm		
										Tổng số	Trong đó:											Tăng	Giảm
10	Xây dựng mới bộ phận một cửa thị trấn An Thới	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án						2.000	2.000	150	16	0	50	50	0	0					
B	NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN CÁN ĐỘI BỘ SƯNG									1.698.999	1.698.999	3.062.258	1.734.372	315.645	300.000	1.178.464	878.464	0	0				
I	DỰ ÁN TRẢ NỢ									63.001	63.001	56.551	52.707	510	0	0	0	0	0				
	Ngành khác									63.001	63.001	56.551	52.707	510	0	0	0	0	0				
1	Trồng mới cây xanh từ ngã 3 Sân Bay đến ngã 3 Công Bình trên tuyến An Thới - Dương Đông	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7563444	799; 312	18.568m2	2016-2017	3009; 10/04/2017	13.568	13.568	12.450	11.670	150	0			0	0				
2	Dự án trồng cây xanh tuyến An Thới - Dương Đông năm 2017	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7604872	799; 312	7.600m	2017-2019	5740; 25/10/2016	14.751	14.751	15.000	12.672	100	0			0	0				
3	Trồng mới cây xanh tuyến Dương Đông - Bãi Thơm năm 2017	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7604870	799; 312	17.600m	2017-2019	5750; 26/10/2016	34.682	34.682	29.101	28.365	260	0			0	0				
II	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP									722.940	722.940	88.953	78.186	7.557	-	-	-	-	-				
	Ngành giao thông + ngành khác									708.700	708.700	78.286	68.022	7.100	0	0	0	0	0				
I	Đường tam vào Khu tái định cư 67,5 ha	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7510842	799; 309	400 m	2017-2020	5873; 28/10/2016	13.000	13.000	5.605	4.107	300	0			0	0				
2	Đường từ thị trấn Dương Đông - khu du lịch đá bãi	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7566112	799; 309	5.412 km	2017-2020	2793; 29/03/2017	150.000	150.000	61.174	59.474	500	0			0	0				
3	Đường số 12 (Bà Kèo - Vựa Lấp)	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7128034	799; 309	172,8 m	2017-2020	5871; 28/10/2016	14.700	14.700	3.107	2.641	300	0			0	0				
4	Khu tái định cư xã Hàm Ninh (13,1ha)	PQ	KBNN Phù Quốc	UBND huyện	7246562	799; 309	13,1 ha	2018-2022	9850; 26/10/2017	288.000	288.000	4.000	700	3.000	0			0	0				
5	Khu tái định cư xã Bãi Thơm (19,9ha)	PQ	KBNN Phù Quốc	UBND huyện	7417465	799; 309	19,9 ha	2017-2021	9866; 27/10/2017	243.000	243.000	4.400	1.100	3.000	0			0	0				
	Xã, thị trấn									1.440	1.440	1.181	1.100	35	0	0	0	0	0				
I	XDM trụ sở ban nhân dân ấp Bến Trâm	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7688462	799; 341	186,7 m2	2019-2020	4333; 23/10/2018	1.440	1.440	1.181	1.100	35	0			0	0				
	Ngành giáo dục									12.800	12.800	9.486	9.064	422	0	0	0	0	0				
1	XDM nhà hiệu bộ Trường TH An Thới 2 - Điểm chính (4P)	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7694281	799; 072	4p	2019-2020	4359; 26/10/2018	3.200	3.200	2.470	2.370	100	0			0	0				
2	XDM nhà hiệu bộ Trường TH Dương Tư 1 - Điểm chính (2P)	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7694283	799; 072	2p	2019-2020	4304; 22/10/2018	1.600	1.600	1.166	1.101	65	0			0	0				
3	XDM phòng học Trường TH - THCS Thới Châu - Điểm chính (4P)	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7694282	799; 073	4p	2019-2020	4305; 22/10/2018	3.200	3.200	2.900	2.843	57	0			0	0				
4	XDM nhà hiệu bộ Trường TH Dương Tư 2 - 73ha (6P)	PQ	KBNN Phù Quốc	BQL dự án	7692140	799; 072	6p	2019-2020	4332; 23/10/2018	4.800	4.800	2.950	2.750	200	0			0	0				

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chánh lịch	
									Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng số					Tăng	Giảm
III	CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									913.058	913.058	9.094	316	7.578	0	0	0
	Ngành giao thông									465.323	465.323	3.670	0	3.670	0	0	0
1	Nâng cấp hệ thống thoát nước thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						59.000	59.000	560		560	0	0	0
2	Đường xuống biển số 12 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						27.000	27.000	100		100	0	0	0
3	Đường xuống biển số 13 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						4.500	4.500	150		150	0	0	0
4	Đường xuống biển số 11 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						4.300	4.300	60		60	0	0	0
5	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						57.000	57.000	800		800	0	0	0
6	Bờ Kê Rạch Ông Trì	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						75.000	75.000	500		500	0	0	0
7	Đường xuống biển số 2 (Khu du lịch Bà Kèo - Cửa Lấp)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						25.600	25.600	100		100	0	0	0
8	Nâng cấp hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng tuyến tranh (đoạn từ ngã ba suối Đá đến cầu Suối Cao) Tên cũ: Hệ thống chiếu sáng tuyến tranh (đoạn từ ngã 3 Suối Đá đến cầu Suối Cao)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						47.000	47.000	300		300	0	0	0
9	Chỉnh trang đô thị 2018 - 2020 (HMT: Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn An Thới)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						11.000	11.000	100		100	0	0	0
10	Đường ven biển Bãi Trưỡng	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						154.923	154.923	1.000		1.000	0	0	0
	Ngành giáo dục									252.750	252.750	1.700	0	1.700	0	0	0
1	Trường TH-THCS Gành Dầu - điểm Chuông Vích	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						8.500	8.500	100		100	0	0	0
2	Trường TH-THCS Gành Dầu - điểm Rạch Vem	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						14.900	14.900	100		100	0	0	0
3	Trường THPT Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						229.350	229.350	1.500		1.500	0	0	0
	Ngành khác									121.200	121.200	800	0	800	0	0	0
1	Trồng mới cây xanh năm 2020	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						75.000	75.000	300		300	0	0	0
2	XDM Tru sở Đoàn quân lý đường bộ	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						3.200	3.200	100		100	0	0	0
3	Dãy 2 nhà làm việc UBND huyện Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						43.000	43.000	400		400	0	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (Chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giải đoạn 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch		
									Số ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư									
										Tổng số	Trong đó: phần vốn								
	Xã, thị trấn								3.030	3.030	150	0	150	0	0	0	0	0	
1	XDM Trụ sở Khu phố 11 – thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						1.200	1.200	50		50	0		0	0	0
2	XDM Trụ sở Khu phố 5 – thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						915	915	50		50	0		0	0	0
3	XDM Trụ sở Khu phố 12 – thị trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						915	915	50		50	0		0	0	0
	Các công trình xử lý đờ đàng									70.755	70.755	2.774	316	1.258	0		0	0	0
1	XDM nhà hiệu bộ trường THCS Dương Đông I	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5755; 26/10/2016	3.384	3.384	106	47	56	0		0	0	0
2	XDM nhà hiệu bộ trường THCS Dương Tư	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5752; 26/10/2016	3.538	3.538	100	47	50	0		0	0	0
3	XDM hội trường UBND xã Cửa Cạn	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5737; 25/10/2016	3.456	3.456	71	50	21	0		0	0	0
4	XDM Ban nhân dân ấp Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					Số 5657; 21/10/2016	1.500	1.500	16	16	10	0		0	0	0
5	XDM nhà ăn, phòng hiệu bộ trường TH - THCS Gành Dầu (Điểm mẫu non)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5774; 27/10/2016	3.200	3.200	87	35	37	0		0	0	0
6	Trụ sở ấp Ông Lãng - Xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					5748; 26/10/2016	1.600	1.600	57	24	7	0		0	0	0
7	XDM phòng học trường TH - THCS Bãi Thơm - Diêm Đa Chàng	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					3789; 11/10/2018	3.200	3.200	147	81	12	0		0	0	0
8	XDM trạm y tế Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						15.000	15.000	0		190	0		0	0	0
9	Trại thực nghiệm Trung tâm dịch vụ và chuyển giao	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						355	355	630		275	0		0	0	0
10	Trồng mới cây xanh đường Trung tâm đoạn 1 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					4714; 01/11/2018	14.670	14.670	607		217	0		0	0	0
11	Trồng mới cây xanh đường Trung tâm đoạn 2 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					4715; 01/11/2018	9.301	9.301	300		150	0		0	0	0
12	Trồng mới cây xanh đường Nhánh số 4 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án					9899; 31/10/2017	9.551	9.551	503		183	0		0	0	0
13	Xây dựng mới bộ phận môi của thị trấn An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						2.000	2.000	150	16	50	0		0	0	0
IV	CHI THU CHI CHI											2.907.660	1.603.163	300.000	300.000	1.178.464	0	0	0
C	NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGUỒN THU ĐỒNG GÓP									447.707	447.707	212.776	133.747	25.270	11.145	11.145	0	0	0
C1	NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN									55.169	55.169	47.874	11.550	11.175	11.145	11.145	0	0	0

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (logi, khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 5/2020)	Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (Điều chỉnh tháng 7/2020)	Chênh lệch	
									Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó: phần vốn					Tăng	Giảm
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP									45.949	45.949	40.024	11.550	10.825	10.825	0	0
1	XDM Nhà xưởng, nhà kho Đoàn Quản lý đường bộ	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7758696	799;341	2,972 m2	2019-2021	4337 04/10/2019	7.800	7.800	3.600	2.000	1.600	1.600	0	0
2	Nâng cấp bờ kè công viên Bạch Đằng	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7753470	799;312	331,29 m	2019-2020	4506 15/10/2019	34.649	34.649	33.849	7.000	9.200	9.200	0	0
3	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm y tế huyện Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7758697	799;132	3 khoa	2019-2021	3618 19/7/2019	3.500	3.500	2.575	2.550	25	25	0	0
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									9.220	9.220	7.850	0	350	320	0	0
1	Trường TH - THCS Hàm Ninh (Hàng mục: 02 phòng bộ môn, nhà xe học sinh)	HN	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						3.000	3.000	2.600	0	100	100	0	0
2	Trường Mầm non Cửa Dương - Điểm chính (Hàng mục: 01 phòng nghệ thuật + thể chất, 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên)	CD	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						2.000	2.000	1.700	0	80	80	0	0
3	Trường mầm non Hàm Ninh (Hàng mục: Sửa chữa 02 bể bộ trí văn phòng và phòng giáo dục nghệ thuật, thể chất)	HN	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						640	640	500	0	30	0	0	0
4	Trường Tiểu học Cửa Dương 2 - Điểm chính (Hàng mục: hàng rào sân nền)	CD	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						2.800	2.800	2.400	0	100	100	0	0
5	Trường Mầm non Bãi Thơm - Điểm chính (Hàng mục: nhà vệ sinh giáo viên, nhà xe giáo viên, nhà bảo vệ, thiết bị)	BT	KBNN Phú Quốc	BQL dự án						780	780	650	0	40	40	0	0
C.2	NGUỒN THU ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG									392.538	392.538	164.902	122.197	14.095	0	0	0
1	Đường nhánh số 3 - Khu Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7230737	799; 309	1,298 km	2019-2023	08 21/01/2011	176.000	176.000	20.000	500	9.500	0	0	0
2	Đường nhánh số 4 - Khu bãi trường	PQ	KBNN Phú Quốc	UBND huyện	7286511	799; 309	1,358 km	2011-2020	102; 23/12/2010	216.538	216.538	144.902	121.697	4.595	0	0	0

UBND HUYỆN PHÚ QUỐC
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 311 /TT-Tr-TCKH

Phú Quốc, ngày 28 tháng 7 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2020
thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

Kính gửi: UBND huyện Phú Quốc.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Huỳnh Quang Hùng Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Quốc về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện;

Phòng Tài chính – Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc phê duyệt công bố, công khai số liệu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

K. TRƯỞNG PHÒNG



Bùi Nhất Phương